

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ- ST

Ngày 21/01/2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hùng
2. Ông Ngô Cao Lâm

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 542/2021/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐST- HNGĐ, ngày 04/01/2022; quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 14/01/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1992

- *Bị đơn:* Anh Lương Văn T, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

*(Chị Hoàng Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt,
anh Lương Văn T vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/01/2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn K, xã T, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Nay chị

xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Lương Hoàng Bảo Y, sinh ngày 31/10/2010; cháu Lương Thị Khánh L, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Lương Thị Huyền T, sinh ngày 28/9/2017. Khi ly hôn do điều kiện hoàn cảnh chị đang phải đi làm ăn xa nhà chị muốn giao cả ba cháu cho anh T nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai ngày 09/12/2021, biên bản hòa giải ngày 15/12/2021 anh Lương Văn T trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị S như chị S trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh T xác định vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn vào năm 2021. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Quan điểm của anh T là tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh T xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Lương Hoàng Bảo Y, sinh ngày 31/10/2010; cháu Lương Thị Khánh L, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Lương Thị Huyền T, sinh ngày 28/9/2017. Khi ly hôn anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cả ba cháu và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, nợ chung: Anh T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị S, xử cho chị Hoàng Thị S được ly hôn với anh Lương Văn T. Giao cháu Lương Hoàng Bảo Y, sinh ngày 31/10/2010; cháu Lương Thị Khánh L, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Lương Thị Huyền T, sinh ngày 28/9/2017 cho anh Lương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị S và anh T đều xác định không có nên không xem xét. Chị Hoàng Thị S phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hoàng Thị S và anh Lương Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Hoàng Thị S và anh Lương Văn T đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn K, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Chị Hoàng Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lương Văn T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị S, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị S và anh T xác định, chị S và anh T kết hôn vào năm 2010. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn K, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2020 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi chửi nhau. Bản thân chị S xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh Trưởng cũng thừa nhận việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị S là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Quá trình giải quyết ly hôn chị Hoàng Thị S có quan điểm muốn giao cả ba con chung cho anh Lương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lương Văn T có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng, giáo dục cả ba cháu Lương Hoàng B, sinh ngày 31/10/2010; cháu Lương Thị Khánh L, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Lương Thị Huyền T, sinh ngày 28/9/2017. Anh không yêu cầu chị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện: Chị S và anh T có 03 con chung là cháu Lương Hoàng Bảo Y, sinh ngày 31/10/2010; cháu Lương Thị Khánh L, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Lương Thị Huyền T, sinh ngày 28/9/2017. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh T. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lương Hoàng Bảo Y, sinh ngày 31/10/2010; cháu Lương Thị Khánh L, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Lương Thị Huyền T, sinh ngày 28/9/2017 cho anh Lương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con, chị S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị S và anh T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lương Văn T không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị S về việc *Kiểm Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Lương Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị S được ly hôn với anh Lương Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lương Hoàng Bảo Y, sinh ngày 31/10/2010; cháu Lương Thị Khánh L, sinh ngày 18/4/2012 và cháu Lương Thị Huyền T, sinh ngày 28/9/2017 cho anh Lương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con, chị S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001844 ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Lương Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

